

Số: .../2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết về thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp,
tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa
kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Luật quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật phòng chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Khoản 4 Điều 23 Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về các nội dung sau đây:

1. Việc thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập khác trên địa bàn Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là cơ sở công lập).

2. Việc viên chức làm việc tại cơ sở công lập tham gia góp vốn, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp do cơ sở công lập thành lập, tham gia thành lập quy định tại Khoản 1 Điều này khi được sự đồng ý của người đứng đầu cơ sở đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ sở công lập đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Có trụ sở chính trên địa bàn thành phố Hà Nội;
 - b) Có kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở đó;
 - c) Có nguồn lực đảm bảo triển khai đề án thành lập, tham gia thành lập, góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở đó.
2. Viên chức làm việc tại cơ sở công lập quy định tại khoản 1 Điều này.
3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp của các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thành lập doanh nghiệp là việc cơ sở công lập góp 100% vốn điều lệ thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định pháp luật doanh nghiệp.
2. Tham gia thành lập doanh nghiệp là việc cơ sở công lập, viên chức, tổ chức, cá nhân khác góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần hoặc công ty hợp danh theo quy định pháp luật doanh nghiệp.
3. Góp vốn vào doanh nghiệp là việc cơ sở công lập, viên chức, tổ chức, cá nhân khác góp thêm vốn điều lệ vào công ty đã được thành lập theo quy định pháp luật doanh nghiệp.
4. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ được hiểu là việc đưa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ vào cuộc sống để phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

CHƯƠNG II

TÀI SẢN GÓP VỐN VÀ ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN GÓP VỐN

Mục 1: Tài sản góp vốn

Điều 4. Sử dụng tài sản của cơ sở công lập để thành lập, tham gia thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp

1. Cơ sở công lập được sử dụng tài sản để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp.
2. Các loại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:
 - a) Tiền từ các quỹ của cơ sở công lập theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
 - b) Quyền sở hữu trí tuệ mà cơ sở công lập là chủ sở hữu theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ;

c) Tài sản công tại đơn vị được sử dụng để kinh doanh, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công;

d) Tài sản khác được phép sử dụng để góp vốn theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Cơ sở công lập có thể sử dụng một hoặc một số loại tài sản quy định tại khoản 2 Điều này để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn thành lập doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc sử dụng tài sản của cơ sở công lập để thành lập, tham gia thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp:

a) Đảm bảo hoạt động đúng mục đích, chia sẻ lợi ích và rủi ro trong hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của chính cơ sở đó.

b) Không làm mất quyền sở hữu về tài sản công; bảo toàn và phát triển tài sản Nhà nước giao.

c) Thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài sản theo cơ chế thị trường, đảm bảo công khai, minh bạch và tuân theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

đ) Việc xác định giá trị tài sản phải bảo đảm các nguyên tắc quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Tiên từ các quỹ của cơ sở công lập

1. Cơ sở công lập được sử dụng tiên từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp.

2. Cơ sở công lập được sử dụng tiên từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của mình theo quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp.

3. Cơ sở công lập được sử dụng tiên từ các quỹ khác, nguồn vốn vay, vốn viện trợ, tài trợ, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Người có thẩm quyền quyết định sử dụng tiên từ các quỹ của cơ sở công lập để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp được xác định như sau:

a) Hội đồng quản lý cơ sở công lập đối với đơn vị sự nghiệp công có tổ chức Hội đồng quản lý.

b) Người đứng đầu cơ sở công lập đối với đơn vị sự nghiệp công lập không tổ chức Hội đồng quản lý.

c) Hội đồng trường hoặc Hội đồng đại học đối với cơ sở công lập là cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

Điều 6. Quyền sở hữu trí tuệ

1. Cơ sở công lập được sử dụng tài sản là quyền sở hữu trí tuệ của mình để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp.

2. Điều kiện, đối tượng, thủ tục thực hiện việc góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ quy định tại khoản 1 Điều này tuân theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật sở hữu trí tuệ.

3. Người có thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản là quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này.

Điều 7. Tài sản công

1. Cơ sở công lập xây dựng đề án và thực hiện thủ tục phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định pháp luật về sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Đối với tài sản công thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, người có thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công để thành lập, tham gia thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp được xác định theo quy định tại Điều 9, Nghị quyết 28/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 quy định việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

3. Đối với tài sản công không thuộc trường hợp quy định tại khoản a trên đây, người có thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công để thành lập, tham gia thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp được xác định theo Điều 16, Luật quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi năm 2024 và văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 8. Tài sản khác

1. Cơ sở công lập được sử dụng các loại tài sản khác có thể định lượng được bằng tiền theo pháp luật về thẩm định giá để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp.

2. Người có thẩm quyền quyết định sử dụng các loại tài sản khác của cơ sở công lập để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này.

Mục 2. Định giá tài sản góp vốn

Điều 9. Định giá tài sản là quyền sở hữu trí tuệ

1. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền xác định giá trị tài sản trí tuệ của cơ sở công lập để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp được thực hiện như sau:

a) Cơ sở công lập thông báo công khai tại trụ sở làm việc, trang thông tin điện tử của đơn vị và gửi thông báo cho hiệp hội thẩm định giá về việc tuyển chọn đơn vị tư vấn để xác định giá trị tài sản là quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp;

b) Sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo, cơ sở công lập không nhận được đề nghị cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản quy định tại điểm a khoản này thì người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này ra quyết định thành lập hội đồng tư vấn và mời các chuyên gia trong lĩnh vực liên quan;

c) Căn cứ kết quả xác định giá trị tài sản trí tuệ của đơn vị tư vấn quy định tại điểm a hoặc kết quả tư vấn giá của hội đồng tư vấn quy định tại điểm b khoản này, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này ra quyết định xác định giá trị tài sản trí tuệ.

2. Phương pháp xác định giá trị của tài sản trí tuệ của cơ sở công lập được thực hiện theo quy định của pháp luật hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước và các quy định khác có liên quan.

3. Người có thẩm quyền quyết định giá tài sản là quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này.

Điều 10. Xác định giá trị còn lại của tài sản công

1. Việc xác định giá trị còn lại của tài sản công tại cơ sở công lập được trực tiếp sử dụng vào mục đích thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp được thực hiện theo quy định pháp luật về sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Người có thẩm quyền quyết định giá trị còn lại của tài sản công tại cơ sở công lập để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

Điều 11. Xác định giá trị tài sản khác

1. Việc xác định giá trị tài sản là thương hiệu, giấy phép, bản quyền tác phẩm của cơ sở công lập để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập đối với sử dụng các tài sản trên để liên doanh, liên kết.

2. Việc xác định giá trị các loại tài sản khác không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về thẩm định giá.

3. Người có thẩm quyền quyết định giá trị tài sản quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này.

CHƯƠNG III

ĐỀ ÁN THÀNH LẬP, THAM GIA THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP, THAM GIA GÓP VỐN VÀO DOANH NGHIỆP

Điều 12. Xây dựng, đề nghị phê duyệt đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp

1. Bộ phận được giao trách nhiệm thương mại hóa kết quả nghiên cứu của cơ sở công lập thực hiện việc xây dựng hoặc thuê đơn vị tư vấn xây dựng đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp, trình người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Nghị định này xem xét quyết định.

2. Sau khi nhận được văn bản phê duyệt về việc cho phép sử dụng tài sản của cơ sở công lập để thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp của người có thẩm quyền quy định tại Chương III Nghị định này, bộ phận được giao trách nhiệm thương mại hóa kết quả nghiên cứu của cơ sở công lập thực hiện thủ tục đề nghị phê duyệt đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp.

Điều 13. Nội dung đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp

1. Cơ sở đề xuất, thực hiện Đề án; mục tiêu thực hiện Đề án.

2. Thực trạng quản lý, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của đơn vị; tài sản trí tuệ, các nguồn quỹ, tài sản công, tài sản hợp pháp khác tại đơn vị được sử dụng để thành lập, tham gia thành lập, góp vốn vào doanh nghiệp.

3. Phương án sử dụng quyền sở hữu trí tuệ, tiền từ các quỹ, tài sản công, tài sản hợp pháp khác tại đơn vị để thành lập, tham gia thành lập, góp vốn vào doanh nghiệp:

a) Quyền sở hữu trí tuệ hiện có của đơn vị; dự kiến nội dung góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ; thỏa thuận chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ; thỏa thuận giữa các đồng chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ về nội dung chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ; thỏa thuận giữa chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ với tác giả đối tượng sở hữu trí tuệ về tiền thù lao theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

b) Tiền từ các quỹ, tài sản hợp pháp khác của đơn vị dự kiến sử dụng để thành lập doanh nghiệp, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp.

c) Tài sản công, tại đơn vị được sử dụng để thành lập doanh nghiệp, tham gia thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp; văn bản đồng ý của người có thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công để thành lập, tham gia thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

4. Phương án đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập.

5. Loại hình doanh nghiệp; vốn điều lệ, các bên tham gia; kế hoạch góp vốn; điều kiện tăng vốn, giảm vốn, rút vốn, chuyển nhượng vốn và quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên liên quan.

6. Điều kiện, tiêu chuẩn, phạm vi quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của người đại diện phần vốn góp, người tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp; phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của người ra quyết định cử viên chức là người đại diện phần vốn góp của cơ sở công lập, người tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp. Phương án đề cử viên chức là người đại diện phần vốn góp của cơ sở công lập, người tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp.

7. Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp.

8. Thỏa thuận giữa cơ sở công lập và doanh nghiệp về đảm bảo hoạt động đúng mục đích thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập, trong đó quy định việc chấm dứt thỏa thuận sử dụng tài sản trí tuệ của cơ sở công lập trong trường hợp doanh nghiệp không thực hiện đúng thỏa thuận.

Điều 14. Phê duyệt đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp

1. Nội dung phê duyệt đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp bao gồm:

a) Phê duyệt việc thành lập doanh nghiệp, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp;

b) Loại hình doanh nghiệp, vốn điều lệ, các bên tham gia, các loại tài sản được sử dụng để thành lập, tham gia thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp;

c) Phương án nhân sự về người đại diện phần vốn góp của cơ sở công lập tại doanh nghiệp;

d) Phương án nhân sự về người của cơ sở công lập tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp;

đ) Phương án sử dụng tiền từ các quỹ, quyền sở hữu trí tuệ, tài sản công, tài sản khác của cơ sở công lập để góp vốn thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp;

e) Thẩm quyền phê duyệt việc thay đổi người đại diện phần vốn góp; người của cơ sở công lập tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp;

g) Tỷ lệ vốn góp và kế hoạch góp vốn của cơ sở công lập; tỷ lệ vốn góp và điều kiện góp vốn dành cho viên chức của cơ sở công lập;

h) Điều kiện đảm bảo doanh nghiệp hoạt động đúng mục đích thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập;

i) Người được giao trách nhiệm tổ chức thực hiện đề án.

2. Người có thẩm quyền phê duyệt đề án thành lập, tham gia thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này.

3. Người có thẩm quyền phê duyệt đề án có trách nhiệm xem xét và đưa ra quyết định trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề án.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VIÊN CHỨC THAM GIA GÓP VỐN, THAM GIA QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 15. Viên chức tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp

1. Căn cứ nội dung phê duyệt đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, viên chức làm việc tại cơ sở công lập thực hiện việc đăng ký tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp.

2. Căn cứ tình hình thực tiễn của đơn vị, người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Nghị định này quyết định điều kiện tham gia, tỷ lệ vốn góp, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của viên chức đăng ký tham gia góp vốn vào doanh nghiệp do cơ sở công lập thành lập, tham gia thành lập.

3. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của viên chức góp vốn; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của doanh nghiệp nhận vốn góp của viên chức được thực hiện theo điều lệ của doanh nghiệp và thỏa thuận giữa các bên.

Điều 16. Viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp

1. Căn cứ nội dung phê duyệt đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, người có thẩm quyền quản lý viên chức theo quy định của pháp luật ra quyết định cử viên chức đủ điều kiện tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp.

2. Quyết định cử viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp quy định rõ thời gian kiêm nhiệm hoặc biệt phái; chế độ làm việc, lương, thưởng, phụ cấp; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của viên chức đối với đơn vị nơi làm việc và doanh nghiệp tham gia quản lý, điều hành.

3. Viên chức có thể được cử tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp nhiều lần. Mỗi lần không quá 3 năm.

Điều 17. Viên chức là đại diện phần vốn góp của cơ sở công lập

1. Căn cứ nội dung phê duyệt đề án thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, người có thẩm quyền quản lý viên chức theo quy định của pháp luật ra quyết định cử viên chức là người đại diện phần vốn góp của cơ sở công lập tại doanh nghiệp.

2. Người đại diện phần vốn góp của cơ sở công lập tại doanh nghiệp có thể được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp khi được người có thẩm quyền quản lý viên chức đồng ý.

3. Quyết định cử viên chức là người đại diện phần vốn góp quy định rõ thời gian; trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của viên chức được cử là người đại diện phần vốn góp của cơ sở công lập tại doanh nghiệp.

4. Viên chức có thể được cử là người đại diện phần vốn góp nhiều lần. Mỗi lần không quá 3 năm.

Điều 18. Trách nhiệm quản lý viên chức

Người có thẩm quyền ra quyết định cử viên chức là người đại diện phần vốn góp của cơ sở công lập; viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về viên chức, trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm đã được xác định trong nội dung đề án được phê duyệt.

Điều 19. Nghĩa vụ của viên chức

Viên chức được cử tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, viên chức là người đại diện phần vốn góp của cơ sở công lập tại doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ của viên chức theo quy định của pháp luật về viên chức, pháp luật doanh nghiệp, trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm đã được xác định trong nội dung đề án được phê duyệt.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, hướng dẫn và phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội trong việc thực hiện Nghị định.

b) Theo dõi, đánh giá, tổng hợp, báo cáo Chính phủ về tình hình thực hiện Nghị định.

c) Giao Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ là đơn vị đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị định và định kỳ hằng năm báo cáo kết quả tình hình thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội

a) Chỉ đạo cơ sở công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội tổ chức triển khai thực hiện Nghị định và định kỳ hằng năm báo cáo Chính phủ kết quả thực hiện thông qua Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Xây dựng kế hoạch và bố trí ngân sách truyền thông, hướng dẫn hỗ trợ việc thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập.

3. Các bộ, ngành liên quan:

a) Chỉ đạo cơ sở công lập trực thuộc bộ, ngành tổ chức triển khai thực hiện Nghị định và định kỳ hằng năm báo cáo Chính phủ kết quả thực hiện thông qua Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Xây dựng kế hoạch và bố trí ngân sách truyền thông, hướng dẫn hỗ trợ việc thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập.

Điều 21. Trách nhiệm của cơ sở công lập, doanh nghiệp do cơ sở công lập thành lập, tham gia thành lập, tham gia góp vốn

1. Rà soát, ban hành hướng dẫn và cơ chế hỗ trợ việc thành lập, tham gia thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở, tổ chức.

2. Quản lý, bố trí nguồn kinh phí hợp pháp để thực hiện các hoạt động quy định tại Nghị định này.

3. Quản lý và bố trí công việc phù hợp cho viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp do cơ sở, tổ chức đó thành lập hoặc tham gia thành lập, tham gia góp vốn.

4. Giao nhiệm vụ cho bộ phận chuyên trách về thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập.

5. Hằng năm, tổng hợp hoạt động thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, cơ quan quản lý cơ sở công lập và Bộ Khoa học và Công nghệ, trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2025.

2. Trường hợp quy định khác nhau giữa Nghị định này và các nghị định khác thì áp dụng quy định tại Nghị định này theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật Thủ đô.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). PC.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG